

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIÊN LĂNG

**KẾ HOẠCH**  
**SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**

Tiên Lăng, tháng 01 năm 2026

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
KTCT THỦY LỢI TIÊN LĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

Tiên Lăng, ngày ...28.. tháng 01 năm 2026

Số: ...34.../QĐ-TLTL

### QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh và  
Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026

CHỦ TỊCH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lăng

- Căn cứ luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, ngày 14/6/2025;
- Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thành phố 05 năm 2026 - 2030; Nghị quyết số 74/NQ - HĐND về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2026;
- Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công lịch thủy lợi năm 2026 trong lưu vực do các công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi phục vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lăng được ban hành kèm theo Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty;
- Theo đề nghị của Tổng giám đốc công ty tại Tờ trình số 12./TTr-TGD ngày 28. tháng 01 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lăng.

**Điều 2.** Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 là căn cứ để Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi

Tiên Lãng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý, khai thác, vận hành, bảo vệ và duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi được giao; thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo hình thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch; xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính, kế hoạch sửa chữa công trình, kế hoạch lao động - tiền lương; đồng thời làm cơ sở để theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan trong năm 2026.

**Điều 3.** Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026; Trưởng các phòng, ban và đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố Hải Phòng (để b/c);
- Sở Tài chính Hải Phòng (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và MT Hải Phòng (để b/c);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu TC-KH, VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trí Dũng**

Tiên Lãng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH  
VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026  
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL TIÊN LÃNG**

*(Kèm theo Quyết định số 34 -QĐ/TLTL ngày 19/01/2026 của  
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng)*

**1. Giới thiệu chung.**

Hệ thống thủy lợi Tiên Lãng được chia thành hai khu vực độc lập Bắc - Nam Sông Mới; toàn bộ hệ thống công trình do Công ty quản lý bao gồm: 63 cống dưới đê; 77 trạm bơm với công suất từ 500m<sup>3</sup>/h đến 17.500 m<sup>3</sup>/h; 172 cống, đập điều tiết nội đồng; 247 kênh đất = 395,73 km; và kênh trước, sau trạm bơm điện: 77 kênh = 125 km. Có nhiệm vụ cung cấp nước tưới, tiêu cho 28.125 ha diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cung cấp nước cho các ngành kinh tế và cấp nước sinh hoạt, tiêu thoát nước thải cho các nhà máy, khu công nghiệp, các trang trại chăn nuôi và tiêu nước thải sinh hoạt cho nhân dân 6 xã trên địa bàn.

**2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025.**

**2.1. Thuận lợi:**

- Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi Tiên Lãng triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025 có những thuận lợi cơ bản là luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của UBND thành phố, các sở, ban ngành thuộc thành phố, sự phối hợp có hiệu quả của các xã, các đơn vị dùng nước trên địa bàn. Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty và truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của cán bộ, công nhân lao động trong toàn Công ty. Về cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật thủy lợi thường xuyên được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cải tạo đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện để Công ty thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ thành phố giao năm 2025.

**2.2. Khó khăn:**

Công ty Thủy Lợi Tiên Lãng thực hiện nhiệm vụ năm 2025 trong điều kiện có nhiều thuận lợi song cũng gặp không ít khó khăn, đó là:

- Vụ chiêm xuân 2024 - 2025 hạn hán xâm nhập mặn lên cao tại các triền sông, các cống dưới đê không lấy được nước bổ sung vào hệ thống gây thiếu hụt nguồn nước và chất lượng nguồn nước không đảm bảo.

- Do nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi chưa xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn xả trực tiếp vào hệ thống thủy lợi Tiên Lãng và chất lượng nước đầu nguồn suy giảm (Khi hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải thau đảo hệ thống tháo tiêu qua cống Cầu Xe - An Thổ) dẫn đến chất lượng nguồn nước trong hệ thống thủy lợi Tiên Lãng thường xuyên bị ô nhiễm, nhiều chỉ tiêu ô nhiễm vượt cao so với tiêu chuẩn cho phép.

- Quy hoạch cấp đất ở cho nhân dân còn chưa đồng bộ, nhiều khu dân cư chưa có đường để nhân dân đi lại sinh hoạt hàng ngày nên dễ phát sinh lấn chiếm công trình thủy lợi.

- Một lượng lớn công trình do Công ty quản lý được xây dựng từ lâu đã xuống cấp, hư hỏng. Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu, tiền điện, tiền nhân công ngày càng tăng cao gây khó khăn trong công tác đảm bảo phục vụ sản xuất, sửa chữa công trình xuống cấp và đảm bảo đời sống cho người lao động.

### **2.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025:**

- Công ty thường xuyên kiểm tra, chủ động nắm bắt tình hình, báo cáo kịp thời và thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở ngành thuộc thành phố Hải Phòng, phối hợp với các xã trên địa bàn thực hiện tốt công tác phòng chống nhiễm mặn, bão lụt, hạn hán; Chủ động thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo công trình luôn hoạt động tốt cung cấp nước tưới, tiêu cho 28.871 ha diện tích đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, tiêu thoát nước nông thôn; Cung cấp nguồn nước phục vụ dân sinh và các ngành kinh tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo cán bộ công nhân lao động tự giác thực hiện tốt các nội quy, quy chế của công ty, quy trình, quy phạm vận hành công trình; thực hiện nghiêm Luật thủy lợi.

- Công ty đã bảo toàn được nguồn vốn, tăng doanh thu và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### **2.3.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025:**

Số TT	Chỉ tiêu, sản lượng chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025 đã phê duyệt	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	2	3	4	5	6
<b>1</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>				
1.1	Diện tích tưới tiêu	Ha	28.125	28.125	100%
1.2	Cấp nước cho chăn nuôi	1.000 m <sup>3</sup>	1.983,72	1.983,72	100%
1.3	Cấp nước thô	1.000 m <sup>3</sup>	667	584	87,6%
1.4	Tiêu thoát nước khu công nghiệp	Ha	75	-	
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đ</b>	<b>30.793</b>	<b>30.818</b>	<b>100,1%</b>

2.1	Doanh thu từ dịch vụ công ích thủy lợi	Triệu đ	28.125	28.125	100%
2.2	Doanh thu từ cấp nước thô	Triệu đ	600	526	87,6%
2.3	Doanh thu từ tiêu nước khu công nghiệp	Triệu đ	0	0	0
2.4	Doanh thu khác (hoạt động tài chính, XDCB, thu nhập khác)	Triệu đ	2.068	2.167	104,8%
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đ	<b>2.900</b>	<b>2.960</b>	102%
4	<b>Nộp ngân sách</b>	Triệu đ	<b>550</b>	<b>1.107</b>	<b>201,2%</b>
5	<b>Tổng số lao động</b>	Người	<b>200</b>	<b>191</b>	<b>95,5%</b>
6	<b>Thu nhập bình quân</b>	Trđ/ng/tháng	<b>8,3</b>	<b>8,5</b>	<b>102,4%</b>

**\* Giải trình về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:**

+ Tổng diện tích tưới tiêu Kế hoạch đầu năm 2025 là 28.871 ha: Do trên địa bàn Công ty phục vụ tưới tiêu có thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp chuyển đổi thành đất công nghiệp, đất tái định cư, đất giao thông ... nên diện tích phục vụ của Công ty giảm. Đến ngày 13/11/2025 UBND thành phố ra Quyết định 4570/QĐ-UBND, phê duyệt điều chỉnh khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; tại Quyết định này, tổng diện tích tưới tiêu năm 2025 Công ty được UBND thành phố giao là 28.125 ha. Công ty thực hiện kế hoạch 2025 theo Quyết định 4570/QĐ-UBND đạt 100%.

+ Cấp nước thô: đạt 584.000 m<sup>3</sup>/667.000 m<sup>3</sup>, giảm 83.000 m<sup>3</sup> và bằng 87,6% so với Kế hoạch 2025 :

Do chất lượng nước trong hệ thống Công ty quản lý thường xuyên bị ô nhiễm. Nhiều chỉ tiêu về chất lượng nguồn nước không đạt quy chuẩn, có 2 chỉ tiêu Amoni, Nitrit luôn luôn cao hơn nhiều QCVN 08-MT2015 (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt phục vụ cho sản xuất nước sinh hoạt). Vào mùa khô từ tháng 1 đến tháng 5 nguồn nước còn bị ảnh hưởng của nhiễm mặn.

Trong quá trình thực hiện 1 số nhà máy nước mini thiếu hợp tác, không thực hiện ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền cho Công ty (Công ty CP Hưng Đạo; Công ty CP Tân Sơn, Công ty CP Tây Hưng, HTX Gia Hưng, NMN Hùng Thắng, HTX thủy sản và dịch vụ môi trường Tiên Lãng) nên chỉ tiêu cung cấp nước thô năm 2025 không đạt theo kế hoạch đã xây dựng. Công ty đã khởi kiện 4 đơn vị khai thác nước không thanh toán tiền đến Tòa án nhân dân khu vực 7 Hải Phòng để đòi tiền nước thô.

+ Tiêu thoát nước khu công nghiệp kế hoạch năm 2025 không thu được là do giá dịch vụ tiêu thoát nước cho khu công nghiệp chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, mặt khác các khu công nghiệp của Tiên Lãng vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, chưa hoạt động sản xuất kinh doanh cho nên Công ty không ký được hợp đồng với các nhà máy, khu công nghiệp.

+ Doanh thu từ dịch vụ công ích thủy lợi: Công ty thực hiện là 28.125 triệu đồng, bằng 100% so với Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 UBND thành phố “về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng”.

+ Doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô thực hiện năm 2025 là 526 triệu đồng, bằng 87,6% so với KH năm 2025 là do trong quá trình thực hiện, 1 số nhà máy nước mini thiếu hợp tác không thực hiện nghiệm thu và thanh toán tiền cho Công ty.

+ Doanh thu khác năm 2025 đạt 2.167 triệu đồng, tăng 99 triệu đồng, bằng 104,8% so với Kế hoạch năm 2025

+ Lợi nhuận sau thuế: 2.960 triệu đồng, đạt 102% Kế hoạch năm 2025

+ Chỉ tiêu nộp Ngân sách thực hiện năm 2025 đạt 1.107 triệu đồng, bằng 201,2% so với Kế hoạch năm 2025 do trong năm 2025 Công ty đã tính bao gồm cả khoản nộp quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2024 chuyển sang là hơn 466 triệu đồng phát sinh từ nguồn thu nhập đền bù giải phóng mặt bằng công trình thủy lợi dẫn đến Công ty phải nộp tăng thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Chỉ tiêu lao động giảm 4,5% so với Kế hoạch là do Công ty sắp xếp lao động phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo năng suất lao động.

+ Thu nhập bình quân: 8,5 trđ/người/tháng, đạt 102,4% Kế hoạch.

### 2.3.2. Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thực hiện năm 2025

Số TT	Nội dung đầu tư	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	2	3	4	5	6
1	Công trình sửa chữa	Triệu đ			
a	<i>Nguồn kinh phí hỗ trợ bảo trì TSCĐ</i>	Triệu đ	18.210	18.210	100%
b	<i>Nguồn thu khác của công ty (Nguồn kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thủy lợi; và nguồn vốn hợp pháp khác</i>	Triệu đ	3.250	2.611	80,3%

2	Công trình cải tạo, nâng cấp	Triệu đ			
a	<i>Nguồn ngân sách cấp bổ sung vốn điều lệ và nguồn khấu hao</i>	Triệu đ	470	418	88,9%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>21.930</b>	<b>21.239</b>	<b>96,85%</b>

+ Đối với việc cải tạo, nâng cấp, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi: Thực hiện đạt 21.239/21.930 triệu đồng, đạt 96,85% so với kế hoạch. Ngoài nguồn Ngân sách thành phố hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ năm 2025 là 18.210 triệu đồng, nguồn kết dư vốn điều lệ và nguồn khấu hao của Công ty là 418 triệu đồng, thì công ty chỉ bố trí được 2.611 triệu đồng từ nguồn thu kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn thu khác của Công ty để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên về tính cấp bách của công trình để đảm bảo an toàn trong vận hành, phục vụ sản xuất. Nguyên nhân là do Giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi vẫn thực hiện theo quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính và Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 6/6/2019 của UBND thành phố Hải Phòng, do vậy các chi phí vẫn chưa được tính đúng tính đủ, chi phí cấu thành giá thấp nên không đáp ứng đủ chi phí sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi của Công ty. Thực hiện Nghị định 96/2018/NĐ-CP hàng năm Công ty đã xây dựng đơn giá cho sản phẩm dịch vụ thủy lợi với các chi phí tính đúng tính đủ trình các cấp, các ngành. Nhưng do tồn tại những vướng mắc, bất cập tại các quy định của pháp luật nên chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch sửa chữa công trình năm 2026.**

Căn cứ Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về Phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 trong lưu vực do các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi phục vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn về tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thủy lợi do Công ty quản lý và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025; Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch sửa chữa bảo trì công trình năm 2026 như sau:

#### **3.1. Mục tiêu:**

- Lấy nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn nước bảo vệ công trình công trình, đặc biệt là công tác chống lấn chiếm công trình và chống ô nhiễm

nguồn nước; Công tác quy hoạch hệ thống tưới tiêu, khoanh vùng, phân khu tưới phù hợp với định hướng phát triển chung của các địa phương trên địa bàn.

- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tìm kiếm việc làm để tăng thêm thu nhập và nâng cao đời sống người lao động, quyết tâm thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của thành phố.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng doanh thu, góp phần ổn định và phát triển bền vững của Công ty; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### 3.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu, sản lượng chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	So sánh với thực hiện năm 2025	
				Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>				
1.1	Tổng diện tích tưới tiêu	Ha	27.778	28.125	98,7%
1.2	Cấp nước cho chăn nuôi	1.000 M <sup>3</sup>	1.886,3	1.983,72	95%
1.3	Cấp nước thô	1.000 M <sup>3</sup>	584	584	100%
1.4	Tiêu nước khu công nghiệp	Ha	300	0	
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	Triệu.đ	<b>31.750</b>	<b>30.818</b>	<b>103%</b>
2.1	Doanh thu từ dịch vụ thủy lợi	Triệu.đ	28.029	28.125	99,6%
2.2	DT từ cấp nước thô	Triệu.đ	526	526	100%
2.3	DT từ tiêu nước cho khu CN	Triệu.đ	0	0	
2.4	Doanh thu khác	Triệu.đ	3.195	2.167	147%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu.đ	<b>3.020</b>	<b>2.960</b>	<b>102%</b>
<b>4</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	Triệu.đ	<b>650</b>	<b>1.107</b>	<b>58,7%</b>
<b>5</b>	<b>Tổng số lao động</b>	Người	<b>191</b>	<b>191</b>	<b>100%</b>
<b>6</b>	<b>Thu nhập bình quân</b>	Trđ/ng/th	<b>8,9</b>	<b>8,5</b>	<b>104%</b>

\* Giải trình một số chỉ tiêu tăng, giảm so với thực hiện năm 2025 bởi các lý do sau:

Công ty xây dựng căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025; Kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các địa phương và kế hoạch diện tích tưới tiêu năm 2026 đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về Phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 trong lưu vực do các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi phục vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Tổng diện tích tưới tiêu theo kế hoạch năm 2026 là 27.778 ha, giảm 347 ha, bằng 98,7% so với thực hiện năm 2025: Do Thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng nhiều khu công nghiệp mới (chuyển từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp), các công trình giao thông, các khu tái định cư nên đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Công ty quản lý giảm.

- Cấp nước thô kế hoạch năm 2026: Công ty xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của các đơn vị sử dụng nguồn nước thô trong năm 2026 (chủ yếu là nguồn nước phục vụ cho các nhà máy công nghiệp). Dự kiến từ năm 2026 các nhà máy nước mini để sản xuất nước sinh hoạt không sử dụng và không hợp tác ký hợp đồng cung cấp nước thô với Công ty.

Do các nhà máy nước mini đang thực hiện chương trình xác định tài sản và bàn giao nhà máy - vùng cấp nước trả lại cho UBND các xã để nhân dân các xã được dùng nguồn nước sinh hoạt mới theo Nghị Quyết số 15/NQ-TU ngày 31/7/2024 của Ban thường vụ thành ủy Hải Phòng và Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 17/9/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các giải pháp đảm bảo cấp nước sạch nông thôn,

Công ty xây dựng kế hoạch năm 2026 trên cơ sở sử dụng nước của Công ty Cổ Phần HHP Global và Công ty CP Aqua Hải Phòng.

- Doanh thu kế hoạch năm 2026 là : 31.750 triệu đồng, tăng 932 triệu đồng so với thực hiện năm 2025 bởi lý do sau:

+ Doanh thu dịch vụ công ích thủy lợi là 28.029 triệu đồng, giảm 96 triệu đồng so với doanh thu năm 2025 là do trong năm 2026 Công ty xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch diện tích tưới tiêu năm 2026 đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 và đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 26/8/2025.

+ Doanh thu từ cấp nước thô: 526 triệu đồng giữ nguyên so với năm 2025 . Công ty xây dựng kế hoạch năm 2026 trên cơ sở tăng sản lượng của 2 công ty

Công ty Cổ Phần HHP Global và Công ty CP Aqua Hải Phòng để bù đắp cho phần khối lượng giảm của các nhà máy nước mini.

+ Doanh thu từ tiêu nước khu công nghiệp: Do Công ty chưa được phê duyệt giá tiêu thoát nước khu công nghiệp nên Công ty chưa tính doanh thu.

+ Doanh thu khác năm 2026: 3.195 triệu đồng, tăng 1.028 triệu đồng so với thực hiện năm 2025. Công ty xây dựng doanh thu hoạt động khác bao gồm hoạt động tài chính và hoạt động xây dựng cơ bản.

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2026 là: 3.020 triệu đồng, tăng 60 triệu đồng so với thực hiện năm 2025, Công ty xây dựng trên cơ sở kế hoạch doanh thu và chi phí năm 2026.

- Nộp ngân sách kế hoạch năm 2026 là 650 triệu đồng: giảm 457 triệu đồng so với thực hiện năm 2025 là do trong năm 2025 Công ty tính cả khoản nộp quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2024 chuyển sang là hơn 466 triệu đồng phát sinh từ nguồn thu nhập đền bù giải phóng mặt bằng công trình thủy lợi dẫn đến công ty phải nộp tăng thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Tổng số lao động kế hoạch năm 2026 là 191 người.

- Thu nhập bình quân kế hoạch năm 2026: 8,9 trđ/người/tháng, tăng 0,4 triệu đồng so với thực hiện năm 2025 là do: Trong năm 2026, Công ty xây dựng mức lương căn cứ vào Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Công ty xây dựng Thu nhập bình quân bao gồm tiền lương, phụ cấp ăn ca, và các khoản thu nhập khác (tiền thưởng, tiền các ngày Lễ, Tết).

### 3.3. Kế hoạch đầu tư phát triển.

TT	Dự án, công trình	Tổng mức đầu tư kế hoạch năm 2026 (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
I	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thuộc Hệ thống thủy lợi Tiên Lãng năm 2026	22.205	Nguồn bảo vệ đất trồng lúa được giao theo quyết định 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố	

II	Sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi năm 2026	5.000	Nguồn kinh phí đặt hàng cung ứng SPDV công ích thủy lợi và các nguồn khác	
	<b>Tổng</b>	<b>27.205</b>		

Căn cứ thực trạng hệ thống công trình thủy lợi Tiên Lãng, còn nhiều công trình bị hư hỏng, xuống cấp, chưa có điều kiện cải tạo, sửa chữa; Nguồn nước ngọt của hệ thống thủy lợi Tiên Lãng thường xuyên bị xâm nhập mặn sâu và độ mặn lên cao do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Chất lượng nguồn nước đang bị ô nhiễm và có nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng do nước thải, rác thải ở các khu dân cư, khu chăn nuôi tự do, khu bãi rác tự phát, từ lượng dư thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp... đều xả trực tiếp vào hệ thống thủy lợi đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế. Do đó, Công ty cần thiết đầu tư, tu bổ, cải tạo, nâng cấp sửa chữa để khắc phục tình trạng hư hỏng xuống cấp các công trình, đảm bảo mục tiêu quản lý tốt công trình điều hòa nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất, an toàn trong công tác phòng chống lụt bão - hạn hán xâm nhập mặn.

**a) Các công trình cống:** Hệ thống các công trình cống của Hệ thống thủy lợi Tiên Lãng đã và đang được UBND thành phố đầu tư xây mới, tuy nhiên các cống chưa được đầu tư hiện nay các bộ phận kết cấu vẫn tiếp tục xuống cấp như cống bị rò nước, hệ thống tường đầu, hèm phai cánh cống bị hư hỏng, hệ thống kê bảo vệ trước và sau cống bị sạt lở ăn sâu vào bờ đê như: Cống Cương Nha, Cống Nè Mới, Cống Đông Côn, Cống Sơn Đông.

Công trình Cống Rõ Mới nằm tại Km3+694 đê tả Sông Thái Bình là cống đầu nguồn có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong vận hành điều tiết cung cấp nước ngọt chính cho 5 xã phía Nam sông Mới, hiện nay cánh thép số 2 và hệ thống tời cáp tiếp tục xuống cấp và hư hỏng, hệ thống điện chưa được đầu tư nâng cấp cải tạo, lan can bảo vệ hư hỏng, khu vực mang cống hai bên tường cánh ngoài sông và trong đồng bị sụt lún, sạt lở... nên cấp thiết cần được đầu tư sửa chữa, cải tạo đảm bảo an toàn vận hành cống.

**b) Các công trình kênh tưới tiêu:** Hiện trạng các danh mục kênh tưới tiêu của hệ thống thủy lợi Tiên Lãng đề xuất bị bồi lắng, nông đầy, nhiều tuyến kênh nhỏ hẹp; bờ kênh bị sạt lở, hàm ếch nên khó khăn trong việc trữ nước về mùa khô, tiêu thoát nước trong mùa mưa bão. Việc thay đảo nguồn nước gặp khó khăn dẫn đến ô nhiễm cục bộ, một số đoạn kênh bờ đã vỡ lở thậm trí không còn bờ ảnh hưởng đến giao thông nội đồng, dân sinh kinh tế, môi trường. Việc cải

tạo, nạo vét, đắp bờ kênh, xây dựng các công trình trên kênh nhằm khoanh vùng bơm tưới, hạn chế xâm nhập mặn. Cùng hệ thống thủy lợi khu vực đảm bảo trữ nước ngọt và điều tiết dẫn nước cấp nguồn bơm tưới phục vụ sản xuất, phòng, chống ngập úng, bảo vệ và hạn chế ô nhiễm nguồn nước ngọt; chống vi phạm, lấn chiếm bảo vệ hành lang kênh; tạo cảnh quan môi trường; kết nối giao thông nội đồng, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn.

*c) Các công trình Kênh tưới sau Trạm bơm:* Hiện trạng kênh kết cấu gạch xây lâu năm nên đã hư hỏng nhiều, đáy kênh gãy sứt, tường kênh mục rỗng nên hạn chế khả năng dẫn tưới, lượng nước tổn thất lớn, thời gian bơm tưới kéo dài hơn làm phát sinh tăng chi phí vận hành và khoanh vùng bơm tưới.

*d) Công trình nhà quản lý cống và trạm bơm:* Qua rà soát còn nhiều Nhà quản lý các công trình cống và trạm bơm bị hư hỏng nặng, mái thấm dột, tường bong tróc ẩm mốc; các công trình phụ trợ như sân cống, tường bao, ngõ dốc đều xuống cấp hư hỏng; hệ thống cánh cửa, mái tôn, hệ thống điện, chống sét hư hỏng yêu cầu phải sửa chữa thường xuyên. Việc cải tạo, nâng cấp, sửa chữa khu quản lý các công trình cống và trạm bơm cùng hệ thống sân, cống, tường bao, ngõ dốc giúp công nhân có nơi thường trực vận hành đảm bảo nhiệm vụ bơm nước tưới, tiêu, an toàn vận hành trong mùa mưa bão.

Căn cứ tính cấp bách của các công trình và mục đích, yêu cầu phục vụ các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, dân sinh kinh tế, Công ty thủy lợi Tiên Lãng đã rà soát, kiểm tra hiện trạng công trình và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, cấp bách, cấp thiết phục vụ sản xuất có tính chất đặc thù theo mùa vụ. Danh mục được sắp xếp theo nhóm gồm các công trình có tính chất và quy mô tương tự thuận tiện cho việc tổ chức thực hiện thiết kế, thi công, quản lý theo quy định của pháp luật.

Công ty dự kiến mức kinh phí thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026 là **27.205 triệu đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm linh lăm triệu đồng)**, cụ thể:

+ Nguồn bảo vệ đất trồng lúa được UBND thành phố giao tại Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 là **22.205 triệu đồng**.

+ Nguồn kinh phí đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn khác của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng bố trí để cải tạo, sửa chữa các công trình năm 2026 là **5.000 triệu đồng (được bố trí thực hiện sửa chữa thường xuyên các công trình, thứ tự ưu tiên dựa trên tích cần thiết và cấp bách để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công ty chủ động bố trí vốn thực hiện cho phù hợp)**.

(Chi tiết danh mục công trình và nguồn thực hiện tại Phụ lục 01 kèm theo).

#### **4. Các giải pháp thực hiện.**

##### **4.1. Giải pháp về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích theo hướng đặt hàng thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo Luật Thủy lợi số 08/2017/QH 14, ngày 19/6/2017; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, ngày 10/4/2019, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, ngày 30/6/2018 của Chính phủ.

- Thực hiện tốt phương án quản lý, khai thác và bảo vệ công trình đã được phân cấp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố đảm bảo đúng Luật Thủy lợi, Nghị định của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & Môi trường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các văn bản: Quyết định số 203/2025/QĐ-UBND, ngày 05/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố. Văn bản số 9311/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 14/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Phối hợp với chính quyền các địa phương rà soát các công trình thủy lợi hiện do ủy ban cấp xã quản lý, vận hành, xác định công trình phù hợp về tiêu chí theo Quyết định số 203/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 và đề xuất điều chuyển đơn vị quản lý, vận hành để đảm bảo hiệu quả khai thác công trình thủy lợi trong hệ thống công trình thủy lợi Tiên Lãng.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các vi phạm, lấn chiếm công trình, các nguồn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo với các cấp chính quyền và sở Nông nghiệp và Môi trường để xử lý kịp thời, dứt điểm những vi phạm. Thực hiện nghiêm Quyết định số 222/2025/QĐ- UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố về việc Ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp các ngành trong công tác bảo vệ công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững. Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai cho toàn hệ thống và từng khu vực trọng điểm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra giám sát, nêu cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ công nhân lao động trong công ty cũng như của cộng đồng về công tác bảo vệ công trình thủy lợi. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm Luật thủy lợi.

#### **4.2. Giải pháp về tài chính.**

##### **4.2.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích.**

- Chủ động triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động dịch vụ công ích năm 2026 bao gồm: Xây dựng kế hoạch tưới tiêu cho từng vụ, cả năm, các kế hoạch biện pháp, phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn các xã, thị trấn; kết hợp cùng các địa phương thực hiện tốt các biện pháp tưới tiêu đáp ứng yêu cầu sản xuất, ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu đảm bảo đúng chế độ, chính sách nhà nước quy định về giá dịch vụ thuỷ lợi để làm cơ sở thanh quyết toán với ngân sách nhà nước. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn được chủ sở hữu giao cho công ty.

- Chấp hành nghiêm túc Pháp lệnh kế toán thống kê, nâng cao năng lực, trình độ ứng dụng tin học vào quản lý tài chính của cán bộ; thực hiện tốt công tác quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán và kiểm toán theo chế độ nhà nước quy định.

#### ***4.2.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.***

- Thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Nâng cao năng lực tài chính, tăng cường đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, quan tâm đầu tư thiết bị phù hợp với tình hình tài chính và yêu cầu nhiệm vụ, nhằm phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### ***4.3. Giải pháp về sản xuất.***

##### ***4.3.1. Đối với hoạt động dịch vụ công ích.***

- Triển khai thực hiện nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND thành phố và các Sở, ban, ngành thành phố, trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là chính sách trợ giá dịch vụ công ích thuỷ lợi theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Việc triển khai mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2026 phải được tiến hành chủ động và cụ thể hoá bằng các kế hoạch chi tiết, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch thành phố giao và mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty trong năm.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích hàng năm, từ kế hoạch tưới, tiêu cho từng vụ và cả năm đến các biện pháp triển khai; phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn các Xã, phối kết hợp cùng các địa phương thực hiện tốt các biện pháp tưới, tiêu nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất; ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới, tiêu đảm bảo đúng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, đảm bảo tính bền vững, lâu dài và đồng bộ, phù hợp với từng loại cây trồng, từng vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng và sửa chữa các công trình theo kế hoạch sửa chữa thường xuyên, đột xuất để bảo đảm hệ thống công trình thủy lợi hoạt động an toàn, hiệu quả; chủ động nguồn nước, phối hợp với các hộ dùng nước đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

#### **4.3.2. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Tích cực, chủ động đơn đốc việc thanh toán nợ tiền nước thô từ năm 2024 trở về trước. Mở rộng thêm lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác trên cơ sở phát huy tiềm năng của công ty, nhu cầu của thị trường. Củng cố Đội xây lắp để tham gia thi công các công trình; mở rộng sản xuất mặt hàng cơ khí, xây lắp điện, giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, chính sách đối với người lao động.

#### **4.4. Giải pháp về nguồn nhân lực.**

- Thực hiện đào tạo phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, bằng hình thức đào tạo và đào tạo lại để phục vụ yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và khai thác công trình thủy lợi.

- Thực hiện theo phương án tái cơ cấu doanh nghiệp do công ty xây dựng đã được Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đ/c trong Ban lãnh đạo, trưởng các phòng, ban, đội theo chức năng nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn, các Đội sản xuất trong Công ty. Thực hiện quy chế luân chuyển cán bộ, đảm bảo chuẩn hóa về tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ Trưởng các phòng, ban, đội thuộc công ty có trình độ chuyên môn phù hợp.

- Xây dựng và áp dụng cơ chế khoán quản lý trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được Thành phố ban hành, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động.

- Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nắm chắc chế độ chính sách, pháp luật của nhà nước, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài, đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi, có tác phong

làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### **4.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.**

Công ty từng bước áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào công tác quản lý điều hành trong hoạt động sản xuất của Công ty.

+ Sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý, kế toán, hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình....

+ Xây dựng bổ sung thêm các trạm quan trắc tự động (đo mực nước, đo độ mặn, lưu lượng khai thác) vào hệ thống quan trắc của Công ty; Thí điểm vận hành điều khiển từ xa đối với 5 cống cuối nguồn.

+ Hoàn thiện bản đồ số và xây dựng cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi theo Quyết định số 63/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026 của Bộ nông nghiệp và Môi trường đối với các công trình: Trạm bơm, cống dưới đê, cống đầu mối, trạm bơm, kênh tưới sau trạm bơm, kênh trục, kênh tưới tiêu kết hợp.

#### **4.6. Giải pháp về quản lý điều hành.**

- Thực hiện tốt Luật Thủy lợi và các chế độ, chính sách của nhà nước, quản lý khai thác có hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi, xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể chống lấn chiếm công trình.

- Thường xuyên cập nhật thông tin về chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước để bổ sung, sửa đổi và tổ chức thực hiện nghiêm túc Điều lệ tổ chức và hoạt động, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy chế hoạt động, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của Công ty, chế độ chính sách của nhà nước; bảo đảm điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và quyền lợi của người lao động.

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND thành phố HP (để b/c);
- Sở Tài Chính HP(để b/c);
- Sở NN & MT (để b/c);
- Các đ/c TGD; PTGD công ty (thực hiện);
- Các đơn vị thuộc công ty (thực hiện);
- Lưu văn thư công ty.

#### **CÔNG TY THỦY LỢI TIÊN LÃNG**



**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Tri Dũng*

**PHỤ LỤC SỐ 01**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**  
(Kèm theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Dự án, công trình	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Trong đó		Nguồn vốn
			Đã cấp	Chưa cấp	
I	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình thuộc Hệ thống thủy lợi Tiên Lăng năm 2026	22,205	0	22.205	Nguồn bảo vệ đất trồng lúa được giao theo quyết định 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố
II	Sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi năm 2026	5,000	0	5.000	Nguồn kinh phí đặt hàng cung ứng SPDV công ích thủy lợi và các nguồn khác
	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>27,205</b>			
<b>(Chi tiết danh mục công trình và nguồn thực hiện tại phụ lục 02 kèm theo)</b>					

**PHỤ LỤC SỐ 02 (Kèm theo Kế hoạch năm 2026)**  
**DANH MỤC CẢI TẠO, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI NĂM 2026**  
**CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG**

Kèm theo Tờ trình phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển số ...../TTr-TLTL ngày ...../01/2026

TT	Tên công trình/Hạng mục công trình	Địa điểm	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng/Quy mô; thông số kỹ thuật	Tọa độ (X,Y)			Kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Ghi chú	
					Điểm đầu	(7)	(8)			Điểm cuối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I. Công trình Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa từ Nguồn bảo vệ đất trồng lúa được giao theo QĐ số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng V/v giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị)</b>										
1	Công trình: Cống Rổ Mới - Hạng mục: Thay mới cánh thép số 2; Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tời cáp, hệ thống điện, lan can; Sửa chữa tường chắn, thêm công, mang công.	Xã Tiên Lãng	Thay mới cánh thép số 02 bxx=(8,5x4,0)m, 03 bộ tời cáp và hệ thống điện; sửa chữa lan can; Sửa chữa tường chắn, thêm công, mang công.		20°45'6.97"N	106°31'22.78"E				
2	Công trình: Kênh Cống Rổ (Đoạn từ Cống Rổ Mới đến Kênh trục 1) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Tiên Lãng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh.	1500m	20°45'5.84"N	106°31'35.31"E	20°45'5.53"N	106°32'17.56"E	490	
3	Công trình: Kênh Đồng Khê (Đoạn từ Kênh Cống Khuê đến Kênh 3 xã) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Tiên Lãng và Xã Tiên Minh	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh.	4700m	20°43'29.28"N	106°33'41.60"E	20°41'34.68"N	106°35'16.02"E	2.300	
4	Công trình: Kênh hút trạm bơm Xóm Chùa (Từ Kênh trục 1 đến Kênh Thái Ninh) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Hùng Thắng	- Chặt dọn mặt gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh.	1800m	20°39'24.60"N	106°41'37.96"E	20°38'48.53"N	106°40'50.95"E	490	
5	Công trình: Kênh hút trạm bơm Đồng Đá (Từ Kênh Trục 1 đến Kênh giữa đồng) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Hùng Thắng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	1850m	20°40'16.06"N	106°39'31.88"E	20°40'59.17"N	106°40'14.62"E	490	
6	Công trình: Kênh trục cấp 1 (Đoạn từ Công Giang Khẩu Mới đến Kênh Công Tiên Cưu + 320m) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Quyết Thắng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh.	4500m	20°47'56.14"N	106°29'13.81"E	20°46'27.06"N	106°31'3.67"E	2.000	

TT	Tên công trình/Hạng mục công trình	Địa điểm	Nội dung công việc thực hiện báo tri	Khối lượng/Quy mô; thông số kỹ thuật	Tọa độ (X,Y)				Kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	(6)	(7)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
7	Công trình: Kênh trục 2 đoạn từ Cầu Thôn Giáo đến Cầu Trại Cá - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Tiên Lãng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	1850m	20°44'33.33"N 106°32'21.12"E	106°32'21.12"E	20°43'45.35"N 106°32'57.81"E	106°32'57.81"E	490	
8	Công trình: Kênh tưới tiêu thuộc xã Tiên Lãng - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Tiên Lãng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	1420m					490	
8.1	Kênh Ông Hồng			900m	20°44'31.20"N 106°32'26.77"E	106°32'26.77"E	20°44'55.90"N 106°32'34.18"E	106°32'34.18"E		
8.2	Kênh Đồng Tràm			520m	20°44'42.07"N 106°32'50.49"E	106°32'50.49"E	20°44'50.90"N 106°32'42.68"E	106°32'42.68"E		
8.3	Công điều tiết trên kênh Ông Hồng				20°44'32.99"N 106°32'27.37"E	106°32'27.37"E				
9	Công trình: Kênh trục 1 (Đoạn từ Cống Rổ Cũ đến cầu Cổ Dục) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh một số đoạn kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Tiên Lãng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	4200m	20°45'17.88"N 106°31'19.98"E	106°31'19.98"E	20°44'21.59"N 106°33'22.84"E	106°33'22.84"E	2.300	
10	Công trình: Kênh Cống Thành Tre 2 - Kênh Thụy sơn - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Hùng Thắng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	1120 m	20°39'53.44"N 106°41'37.46"E	106°41'37.46"E	20°39'25.50"N 106°41'38.80"E	106°41'38.80"E	450	
11	Công trình: Kênh trục xã Nam Hưng (Đoạn từ Kênh Cống Thần đến đường trục xã) - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Chấn Hưng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	2500 m	20°39'34.96"N 106°36'38.99"E	106°36'38.99"E	20°39'39.19"N 106°38'10.25"E	106°38'10.25"E	765	
12	Công trình: Kênh Thái Ninh đoạn từ kênh Đường Kỳ đến kênh hút trạm bơm Xóm Chùa - Hạng mục: Nạo vét, gia cố, đắp bờ kênh; Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	Xã Hùng Thắng	- Chặt cây, dọn mặt bằng, gia cố bờ kênh; - Nạo vét, đắp bờ kênh; - Sửa chữa, nâng cấp công trình trên kênh	1800m	20°39'21.55"N 106°40'8.86"E	106°40'8.86"E	20°38'48.53"N 106°40'50.95"E	106°40'50.95"E	490	
13	Công trình: Cống Nè Mới - Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè phía thượng hạ lưu công; Sửa chữa tương đầu công, hèm phai, cánh công	Xã Tân Minh	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè thượng hạ lưu công; Sửa chữa tương đầu, hèm phai, cánh công	100m	20°42'22.07"N 106°30'57.86"E	106°30'57.86"E			1.305	
14	Công trình: Cống Đồng Cón - Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè phía thượng hạ lưu công	Xã Tiên Minh	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè thượng hạ lưu công	60m	20°39'41.74"N 106°35'49.72"E	106°35'49.72"E			490	
15	Công trình: Cống Sơn Đông - Hạng mục: Sửa chữa chống dò đáy công; Tương cánh, tường quặt; hèm phai cánh công	Xã Tiên Minh	Sửa chữa chống dò sản trước sau công; tương công; hèm phai; cánh công; Sửa chữa chân kè mái đế phía sông		20°41'49.41"N 106°37'9.69"E	106°37'9.69"E			490	

TT	Tên công trình/Hạng mục công trình	Địa điểm	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng/Quy mô; thông số kỹ thuật	Tọa độ (X,Y)			Kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	(8)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)
16	Công trình: Công Cường Nhà - Hạng mục: Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè thương hạ lưu; Xứ lý chống dò mang cống	Xã Tiên Lang	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kè thương hạ lưu cống; Sửa chữa chống dò mang cống	60m	20°43'52.47"N	106°31'19.23"E		490	
17	Công trình: Kênh tưới sau trạm bơm Triều Đông - Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp Bê xã, kênh tưới sau trạm bơm	Xã Tiên Lãng	- Bê xã L=5m; bxb=(1,5x1,5)m; - Kênh tưới đoạn 1: L=110m; bxb=(0,85x1,1)m - Kênh tưới đoạn 2: L=105m; bxb=(0,80x0,85)m; - Kênh tưới đoạn 3: L=280m; bxb=(0,70x0,80)m	500m	20°44'4.08"N	106°33'39.16"E	20°44'1.42"N	106°33'50.29"E	1.200
18	Công trình: Kênh tưới sau trạm bơm Quyết Tiến B (Đoạn sau bê xã đến công chừa)- Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới sau trạm bơm	Xã Tiên Lãng	- Đoạn 1 L=200m; bxb=(0,8x1,1)m; - Đoạn 2: L=185m; bxb=(0,7x0,8)m	385m	20°44'42.69"N	106°32'56.99"E	20°44'40.69"N	106°32'48.09"E	1.000
19	Công trình: Kênh tưới sau trạm bơm Thanh Lan - Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới sau trạm bơm	Xã Chấn Hưng	L=1500m; bxb=(0,9x1,1)m và (0,8x0,9)m	1500m	20°39'7.65"N	106°37'8.79"E	20°38'44.32"N	106°36'37.65"E	3.000
20	Công trình: Kênh tưới sau trạm bơm Quan Bồ - Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp kênh tưới đoạn cách bê xã 40m	Xã Tân Minh	Đoạn cách bê xã 40m; L=200m; bxb=(0,7x0,8)m và (0,8x0,9)m	200m	20°42'33.84"N	106°32'22.83"E	20°42'39.15"N	106°32'22.06"E	490
21	Công trình: Kênh tưới sau Trạm bơm Thái Lai - Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp các đoạn kênh tưới bê xã 735m - Nhánh phải	Xã Tân Minh	Đoạn 1 cánh bê xã 735m nhánh phải; L=200m; bxb=(0,6x0,7)m, (0,7x0,8)m	250m	20°42'7.54"N	106°32'48.28"E	20°42'7.70"N	106°32'39.14"E	490
22	Công trình: Nhà quản lý trạm bơm Sinh Đan - Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp Nhà quản lý và hệ thống sân, cống, tường bao, đường phụ trợ	Xã Quyết Thắng	Sửa chữa, nâng cấp Nhà quản lý và hệ thống sân, cống, tường bao, đường phụ trợ		20°45'52.54"N	106°31'22.14"E			495
<b>II. Công trình sửa chữa từ nguồn khác của Công ty thủy lợi Tiên Lãng (Kinh phí đặt hàng dịch vụ công ích thủy lợi và các nguồn vốn hợp pháp khác)</b>									
1	Công trình: Kênh hút TB Sơn Đông (Kênh Sơn Đông) - Đoạn từ trạm bơm đến kênh Chông Mạn - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Tiên Minh	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	200 m	20°41'47.30"N	106°36'54.14"E	20°41'53.87"N	106°36'56.54"E	150
2	Công trình: Kênh tưới TB Sơn Đông (Đoạn từ trạm bơm đến kênh Lô 1) - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng	Xã Chấn Hưng	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	300 m	20°38'47.88"N	106°39'15.95"E	20°38'45.92"N	106°39'6.86"E	200
3	Công trình: Kênh Đường Kỳ (Đoạn từ TB Đông Dâu đến Kênh sau công Thành Tre 1 - Láng Kim) - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Hùng Thắng	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	1000 m	20°40'58.46"N	106°40'51.14"E	20°40'30.44"N	106°40'38.01"E	450

TT	Tên công trình/Hạng mục công trình	Địa điểm	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng/Quy mô; thông số kỹ thuật	Tọa độ (X,Y)				Kinh phí thực hiện (Tr.đồng)	Ghi chú
					Điểm đầu		Điểm cuối			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Công trình: Kênh hút TB Lâm Cao - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng, Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Quyết Thắng	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	1600 m	20°46'27.12"N	106°31'51.09"E	20°47'12.81"N	106°31'44.18"E	300	
5	Công trình: Kênh Cửa Kho - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng, Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Tân Minh	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	1520m	20°41'43.75"N	106°33'45.20"E	20°42'24.10"N	106°34'10.67"E	490	
6	Công trình: Kênh Công Dươg Ao mới - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng, Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Hùng Thắng	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	1300m	20°41'13.88"N	106°39'17.88"E	20°40'26.12"N	106°39'7.82"E	495	
7	Công trình: Kênh Công Cơm (đoạn từ Cầu Đầm đến công Ông Khuynh) - Hạng mục: Chặt cây, dọn mặt bằng, Nạo vét, đắp bờ kênh	Xã Tân Minh	Nạo vét, đắp bờ, chặt cây, dọn mặt bằng	850m	20°41'48.72"N	106°33'13.75"E	20°42'15.54"N	106°33'7.32"E	495	
8	Công trình: Công Ngăn mặn Duyên Hải - Hạng mục: Xây dựng công	Xã Hùng Thắng	Xây dựng công 1 cửa B<=3m và hệ thống gian van, cánh thép, máy đóng mở		20°38'53.49"N	106°40'28.90"E			490	
9	Công trình: Công Ngăn mặn Tân Quang - Hạng mục: Xây dựng công	Xã Hùng Thắng	Xây dựng công 1 cửa B<=3m và hệ thống gian van, cánh thép, máy đóng mở		20°38'47.09"N	106°39'32.27"E			490	
10	Công trình: Công trên Kênh giáp Vinh Quang - Hạng mục: Sửa chữa tường đầu, dàn gian van, cánh thép, thiết bị đóng mở	Xã Hùng Thắng	Sửa chữa tường đầu, gian van, cánh thép, thiets bị đóng mở		20°39'11.33"N	106°40'18.72"E			200	
11	Công trình: Công trên kênh hút trạm bơm Tân Quang - Hạng mục: Sửa chữa tường đầu, dàn gian van, cánh thép, thiết bị đóng mở	Xã Hùng Thắng	Sửa chữa tường đầu, gian van, cánh thép, thiets bị đóng mở		20°39'11.05"N	106°40'18.69"E			200	
12	Công trình: Công trên Tiên Hưng - Hạng mục: Sửa chữa tường đầu, dàn gian van, cánh thép, thiết bị đóng mở	Xã Hùng Thắng	Sửa chữa tường đầu, gian van, cánh thép, thiets bị đóng mở		20°38'47.14"N	106°39'31.56"E			200	
13	Công trình: Kênh tưới sau trạm bơm Cầu Chanh - Sửa chữa, nâng cấp, xây mới kênh tưới sau bê xã nhánh trái	Xã Hùng Thắng	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kênh, cầu máng, công qua đường nhánh trái	55m	20°39'37.23"N	106°40'18.81"E	20°39'37.86"N	106°40'17.94"E	200	
14	Cải tạo, nâng cấp, xây mới và Bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên, đột xuất các công trình		352 CT công, trạm bơm, kênh						640	
<b>Tổng cộng I-II:</b>									<b>27.205</b>	

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH  
ĐẦU TƯ THEO KẾ HOẠCH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

(Đi kèm theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh ngày ..... tháng ..... 2026 của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng)

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
<b>I. Công trình sửa chữa từ Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định</b>									
1	Trạm bơm Mỹ Lộc 1	Sửa chữa Nhà máy, bể xả, bể hút; kênh tưới; kênh hút trạm bơm	Nhà trạm + phòng thường trực (5x14)m; 260m kênh tưới; 260m kênh hút	2.000	2.000	X			
1.1	Sửa chữa nhà máy - bể xả - bể hút	Sửa chữa nhà máy - bể xả - bể hút	Sửa chữa nhà trạm bơm (5x14)m; bể hút, bể xả; chắn rác; điện, chống sét						
1.2	Sửa chữa kênh tưới sau bể xả	Sửa chữa kênh tưới	L=260m kênh hút hồng $bxh=(1,5x1,2)m$						
1.3	Sửa chữa kênh hút (Đoạn từ Trạm bơm Mỹ Lộc 1 đến Kênh Công Đồng Con)	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=260m Bđ ≤ 6m; CT đáy (-1,0)m; CT bờ (+1,8 đến +2,0)m; HSM m=1,5						
2	Nhà quản lý trạm bơm Chính Nghị	Sửa chữa NQL và công trình phụ trợ	Nhà quản lý 35m <sup>2</sup> , công trình phụ trợ	300	300	X			
3	Nhà quản lý Cống Kim Đới	Sửa chữa NQL, sân, công, tường bao và công trình phụ trợ	Sửa chữa NQL 30m <sup>2</sup> , sân, công, tường bao và công trình phụ trợ	290	280	X			
4	Sửa chữa các công, đập và công trình trên kênh tưới tiêu			950	938	X			
4.1	Cống Cát	Sửa chữa cánh cống							

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
4.2	Cống Bãi 7 (Cống trên bờ kênh sau cống Nam Tử)	Sửa chữa tường cống + giàn cánh điều tiết	Nối dài cống Cống 1 cửa khẩu độ $b \times h = (2,0 \times 2,0)m$ ; $L = 3,5m$						
4.3	Cống Bãi Bơm	Sửa chữa thân cống, giàn cánh điều tiết	01 cống khẩu độ B $<= 1,2m$ giàn van, cánh cống, máy đóng mở; kè bảo vệ bờ						
5	Kênh tưới sau Trạm bơm Đòng Đá - Xã Hùng Thắng	Sửa chữa kênh tưới sau bê xá - nhánh rẽ trái	260m kênh xây hư hỏng $b \times h = (1,0 \times 1,1)m$	490	481	X			
6	Kênh tưới sau Trạm bơm Cầu Chanh			1.650	1.650	X			
6.1	Sửa chữa kênh tưới, cầu máng qua kênh	Sửa chữa kênh tưới, cầu máng qua kênh	550m kênh xây hư hỏng $b \times h = (0,6 \times 0,8)m$						
6.2	Đắp bờ khu tưới trạm bơm Cầu Chanh (Bờ trái Kênh Đòng Nam 1) đoạn từ Kênh Đường Kỳ đến Kênh Đòng Nam	Nạo vét, đắp bờ kênh	Đắp bờ trái $L = 700(m)$ ; CT đáy $(-0,5)m$ ; CT bờ $(1,5; +1,8)m$ ; Bb $= (1,5 - 2, m)$ ; B đáy $<= 4m$ ; HSM $m = (1,0 - 1,5)$						
7	Trạm bơm Kim Đới	Sửa chữa kênh tưới đoạn cách bê xá 200m; Nạo vét kênh hút trạm bơm		1.050	1.050	X			
7.1	Kênh tưới cách bê xá 200m	Sửa chữa kênh tưới	460m kênh xây hư hỏng $b \times h = (60 \times 80)$						

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
7.2	Kênh hút trạm bơm Kim Đới	Nạo vét kênh hút	L=365; CT bờ (+1,8-2,0)m; CT đáy (-0,5)m; B đáy <=4m; HSM m=(1,0-1,5)						
8	Kênh cống Đông Cón	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=3870m; CT bờ (+1,8-2,0)m; CT đáy (-1,0)m; B đáy <=6m; HSM m=1,5	1.050	1.050	X			
9	Kênh Phương Đồi - Đoạn từ Cầu Xuân Quan đến Kênh Cống Khuê	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=3230m; CT bờ (+1,8;+2,0)m; CT đáy (-1,0)m; B đáy <=8m; HSM m=1,5	2.000	2.000	X			
10	Kênh Ga Đa (Từ đường 212 đến kênh Cửa Kho)	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=3300m CT bờ (+1,5;+1,8)m; CT đáy (-0,5)m; B đáy = 3m; HSM m=1,5	1.050	1.050	X			
11	Kênh Xi Phong - đoạn từ Cống Kinh Lương 2 đến đập ông Khuynh	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=6200m; CT bờ (+1,5;+1,8)m; CT đáy (-0,5)m; B đáy = 3m; HSM m=1,5	1.050	1.047	X			
12	Kênh cống Đường Vàng (Kênh khu 3)	Chặt cây, dọn mặt bằng; nạo vét đắp bờ kênh	L=1300m CT bờ (+1,5;+1,8)m; CT đáy (-0,5)m; B đáy = 3m; HSM m=1,25	490	490	X			

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
13	Kênh Cống Khuê	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=6240m; CT bờ (+1,5;+2,0)m; CT đáy (-0,5; -1,0)m; B đáy =(6-8)m; HSM m=1,5	2.700	2.700	X			
13.1	Đoạn 1: Từ Cống Khuê đến Đập ông Giảng		3340 m						
13.2	Đoạn 2: Từ đập Ông Phú đến Cống Kim Dới ngoài		2900 m						
14	Kênh KC1	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	L=5500m; CT bờ (+1,5;+2,0)m; CT đáy (-0,5; -1,0)m; B đáy =(6-8)m; HSM m=1,5	1.050	1.050	X			
15	Sửa chữa kênh tưới tiêu xã Vinh Quang	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	CT bờ (+1,5;+1,8)m; CT đáy (-0,5)m; B đáy <=4m; HSM m=1,25	2.090	2.090	X			
15.1	Kênh hút trạm bơm Văn Vãn (Đoạn từ cống qua đường đến Kênh Trục 1)	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	1000 m						
15.2	Kênh Đồng Nam (Đoạn từ Kênh Thành Tre 1 - Láng Kim đến Kênh Trục 1)	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	1200 m						
15.3	Kênh hút trạm bơm Tân Quang	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	1500 m						

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
15.4	Kênh Thành Tre 1 (Đoạn Từ Kênh Thành Tre 1 - Láng Kim đến kênh Thái Ninh)	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	2600 m						
<b>II. Công trình cải tạo, nâng cấp từ nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ và nguồn khấu hao</b>				<b>470</b>	<b>426</b>				
1	Cống Rộc	Xây dựng trạm quan trắc mực nước, độ mặn và lưu lượng	01 trạm	35	35	X			
2	Kênh trục 1 - tại Cầu Chè - TT Tiên Lãng	Xây dựng trạm quan trắc mực nước	01 trạm	35	35	X			
3	Nhà quản lý TB Từ Đồi	Sửa chữa NQL, sân, công, tường bao và công trình phụ trợ	Sửa chữa NQL 30m <sup>2</sup> , sân, công, tường bao và công trình phụ trợ	400	356	X			
<b>III. Công trình sửa chữa từ Nguồn thu khác của công ty: Kinh phí đặt hàng dịch vụ công í</b>				<b>3.250</b>	<b>2.636</b>				
1	Bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đột xuất các công trình	352 CT công, trạm bơm, kênh		1.500	1.337	X			
2	Kênh cống Đồng Chàm	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	500m	200	0			X	
3	Kênh Thái Ninh	Chặt cây, dọn mặt bằng; Nạo vét đắp bờ kênh	2.900m	490	464				
4	Trạm bơm Nghĩa Trang	Sửa chữa kênh tưới	150m kênh hư hỏng bxx=(0,6x0,8)cm	160	99				
5	Kênh tưới sau TB Lộc Trù - Xã Tiên Thắng	Sửa chữa kênh tưới	200m kênh hư hỏng bxx=(0,7x0,8)cm	250	287				
6	Kênh tưới sau TB Số 1 - Xã Đông Hưng	Sửa chữa kênh tưới cách bề xả 100m	350m kênh hư hỏng bxx=(0,7x0,85)cm	200	0				X

TT	Tên công trình	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Khối lượng	Kinh phí dự kiến theo kế hoạch (1.000 đồng)	Kinh phí đầu tư thực hiện (1.000 đồng)	Tiến độ thực hiện			Ghi chú
						Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	
7	Điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi			450	450				
	<b>Tổng cộng (I+II+III):</b>			<b>21.930</b>	<b>21.239</b>				